

## BẢNG GIÁ XE TẢI CHỞ HÀNG ĐI TỈNH

| Stt | Loại Xe Tải   | Cần Thơ   | Đà Nẵng    | Hà Nội     | Đắc Lak    |
|-----|---------------|-----------|------------|------------|------------|
| 1   | Xe tải Van    | 1,500,000 | 13,500,000 | 16,500,000 | 5,500,000  |
| 2   | Xe Tải 500kg  | 1,500,000 | 13,500,000 | 16,500,000 | 5,500,000  |
| 3   | Xe Tải 1 tấn  | 1,700,000 | 13,700,000 | 16,700,000 | 5,700,000  |
| 4   | Xe tải 2 tấn  | 2,000,000 | 14,000,000 | 17,000,000 | 6,000,000  |
| 5   | Xe tải 3 tấn  | 2,500,000 | 14,500,000 | 17,500,000 | 6,500,000  |
| 6   | Xe tải 4 tấn  | 3,000,000 | 15,000,000 | 18,000,000 | 7,000,000  |
| 7   | Xe tải 5 tấn  | 3,500,000 | 15,500,000 | 18,500,000 | 7,500,000  |
| 8   | Xe tải 6 tấn  | 4,000,000 | 16,000,000 | 19,000,000 | 8,000,000  |
| 9   | Xe tải 7 tấn  | 4,500,000 | 16,500,000 | 19,500,000 | 8,500,000  |
| 10  | Xe tải 8 tấn  | 5,000,000 | 17,000,000 | 20,000,000 | 9,000,000  |
| 11  | Xe tải 10 tấn | 5,500,000 | 17,500,000 | 23,000,000 | 9,500,000  |
| 12  | Xe tải 15 tấn | 6,000,000 | 18,000,000 | 25,000,000 | 10,000,000 |
| 13  | Xe tải 18 tấn | 6,500,000 | 19,000,000 | 27,000,000 | 11,000,000 |
| 14  | Xe tải 20 tấn | 7,000,000 | 20,000,000 | 30,000,000 | 12,000,000 |
| 15  | Xe Container  | 9,000,000 | 27,000,000 | 40,000,000 | 20,000,000 |

### **Quy định áp dụng:**

#### **Bảng giá trên đã bao gồm:**

- > Xe đến chở hàng và trả hàng tận nơi
- > Bao gồm tài xế lái xe
- > Đã bao gồm phí cầu đường bộ

#### **Bảng giá chưa bao gồm**

- > Phí bốc xếp hàng hóa
- > Vé phà đường thủy, đường biển
- > Chưa bao gồm VAT
- > Chưa bao gồm phí vào đường cấm tải